

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM¹
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HNST-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2018
V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

2. Bà Phan Hoàng Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 78/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bùi Minh T, sinh năm 1976.

+ Địa chỉ: Khóm 6, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1979.

+ Địa chỉ: Khóm 3, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ Địa chỉ hiện tại: Khóm 6, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Bùi Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Bích V tìm hiểu, yêu thương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B vào ngày 29/11/2004, hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bắt đầu từ quan điểm sống, bà V không thông cảm với ông trong công việc, nghi ngờ mỗi khi ông đi công tác vắng nhà. Ông đã nhiều lần giải thích cũng như nhờ đến sự động viên, hòa giải của gia đình hai bên nhưng cuộc sống của ông bà vẫn không hạnh phúc, nên ông bà

sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông T yêu cầu ly hôn bà V.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Bùi Hoàng M, sinh ngày 11/12/2005, hiện do bà V chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông thống nhất nguyện vọng của con chung được tiếp tục sống với bà V khi cha mẹ ly hôn. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu bà V có yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông T về thời gian đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm, thời gian gần đây ông bà xảy ra bất hòa do ông T có những biểu hiện bất thường như thường xuyên không về nhà và qua đêm bên ngoài cũng như vắng nhà vào những ngày nghỉ, bà có hỏi thì ông T cho rằng đi công tác và yêu cầu ly hôn với bà. Tuy vợ chồng mâu thuẫn nhưng vẫn sống chung nhà và cùng nuôi dạy con chung, ông bà chỉ sống ly thân khoảng 02 tuần nay. Sau khi được biết ông T gửi đơn ly hôn, bà có nhờ gia đình hai bên động viên hàn gắn để ông T suy nghĩ lại về quyết định ly hôn, nhưng ông T vẫn không đồng ý hàn gắn. Do tình cảm bà dành cho ông T vẫn còn và không muốn con sống thiếu tình cảm cha mẹ, cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển của con chung nếu cha mẹ ly hôn. Bà có nguyện vọng được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Bà thống nhất lời trình bày của ông T, ông bà có một con chung tên Nguyễn Bùi Hoàng M, sinh ngày 11/12/2005 hiện do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, bà đồng ý nuôi con theo nguyện vọng của con, yêu cầu ông T cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Văn bản tố tụng được tổng đạt cho các đương sự theo quy định tại các Điều 177 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bùi Minh T được ly hôn bà Nguyễn Thị Bích V.

Về con chung: Cháu M có nguyện vọng được sống với bà V. Ông T và bà V

cũng có ý kiến thống nhất để cháu M sống với bà V. Yêu cầu của ông T và bà V là có cơ sở để chấp nhận nhằm đảm bảo ổn định quyền lợi về mọi mặt của cháu M theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa ông T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 2.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của ông T phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà V có địa chỉ thường trú tại khóm 6, phường K, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà V vẫn vắng mặt không có lý do, ông T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Bích V.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Bích V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B vào năm 2004, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo ông T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tôn trọng và tin tưởng nhau. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông T yêu cầu ly hôn bà V. Bà V cho rằng sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được 14 năm, thời gian gần đây xảy ra bất hòa nhưng ông bà vẫn sống chung nhà để chăm sóc con chung. Trong gia đình ông T thường xuyên vắng nhà và qua đêm bên ngoài, khi bà tìm hiểu thì ông T cho rằng đi công tác và yêu cầu ly hôn với bà. Do tình cảm bà dành cho ông T vẫn còn và không muốn con sống thiếu tình cảm cha mẹ, cũng như ảnh hưởng đến sự phát triển của con chung nếu cha mẹ ly hôn. Bà yêu cầu được đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng và nuôi dạy con chung.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường K ngày 24/7/2018 thể hiện, sau khi kết hôn ông T và bà V về sinh sống tại địa chỉ khóm 6, phường K, thành phố L. Quá trình chung sống địa phương nhận thấy giữa ông T và bà V không có mâu thuẫn gì đến mức phải trình báo Ban Khóm và gây mất trật tự an ninh tại địa phương.

[4] Qua lời trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án bà V có văn bản trình bày ý kiến và tham gia hòa giải, tại phiên hòa giải bà V có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng vì cho rằng vẫn còn thương ông T. Tòa án động viên ông T tạo cơ hội để vợ chồng được đoàn tụ nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T vẫn kiên quyết ly hôn. Bà V không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn nhằm níu kéo và duy trì tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà V tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải. Hội đồng xét xử động viên ông T vì con tạo cơ hội hàn gắn, nhưng ông T không đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bùi Minh T được ly hôn bà Nguyễn Thị Bích V, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Bùi Hoàng M, sinh ngày 11/12/2005, hiện do bà V chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, bà V đồng ý nuôi con theo nguyện vọng của con chung, ông T không tranh chấp quyền được nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được chấp nhận.

Bà V phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn Bùi Minh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Ông T còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bùi Minh T được ly hôn bà Nguyễn Thị Bích V.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Bùi Hoàng M, sinh ngày 11/12/2005. Ông bà thống nhất:

Bà V được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 27/9/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng được thay đổi theo từng thời điểm.

Bà V phải tạo điều kiện cho ông T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về án phí: Ông Nguyễn Bùi Minh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008821, ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông T còn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND Phường. B, TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

